TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -9-2021
V/v "*Ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Đức
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ng, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số 084/PTH, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Đ, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Số 075/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, nguyên đơn chị Ng trình bày:

Chị và anh Đ cưới nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và còn đánh đập chị, trong công việc thì giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh Đ không còn hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nh, sinh ngày 10/6/2013 và M, sinh ngày 02/02/2017 hiện cả hai con chung đang sống cùng chị Ng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Ng và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử nhiều lần.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên vụ án được Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Nh và M cho chị Ng nuôi dưỡng và ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ

các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph theo quy định pháp luật vào năm 2008. Do đó, hôn nhân của chị Ng và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Ng cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Tuy anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Ng, nhưng HĐXX xét thấy: Anh Đ đã biết được yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ng và Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định pháp luật nhưng đến nay anh Đ vẫn không có hành động thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Ng và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Ng là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nh, sinh ngày 10/6/2013 và M, sinh ngày 02/02/2017 hiện cả hai con chung đang sống cùng chị Ng. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung (phù hợp với nguyện vọng của cháu Khang) và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Ng phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Việc chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Ng phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị Ng được nuôi hai con chung Nh, sinh ngày 10/6/2013 và M, sinh ngày 02/02/2017. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ng phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0007350 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng